

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HSST
Ngày 04-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Cao Thị Hồng Châu

2/ Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cum'gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện
Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý
số: 03/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Đức T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 07 tháng 4 năm 1999, tại
tỉnh Đắk Lắk;

Hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi phạm tội: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh
Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới
tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức D, sinh năm
1968 và con bà Hồ Thị V, sinh năm 1972, hiện cả hai ông bà đang sinh sống tại
thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự:
Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 12 năm 2018 cho đến nay
– Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L: Sinh năm 1974 và ông Nguyễn C: Sinh năm
1970

Cùng trú tại: đường M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người làm chứng

- Bà Chị Hồ Thị C: Sinh năm 1969

Địa chỉ: đường M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/12/2018 Lê Đức T, sinh năm 1999, trú tại thôn 7, xã EaMnang, huyện CưM'gar trong lúc đang đi bộ tại thị trấn Quảng Phú, huyện CưM'gar, do thiếu tiền tiêu xài, nên T nảy sinh ý định đi tới các tiệm mua bán điện thoại ở thị trấn Quảng Phú để giả vờ hỏi mua điện thoại di động rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó T đi bộ tới tiệm mua bán điện thoại Hiệp Nghĩa ở đường M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk do chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974 làm chủ. Tại đây T hỏi mua điện thoại và yêu cầu chị L đưa cho xem điện thoại. Khi chị L đưa cho T 02 điện thoại di động trong đó, 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại OPPo F9 màu tím cho T xem. Trong quá trình xem điện thoại T hỏi về thẻ nhớ của điện thoại, chị L không biết rõ về cấu hình và thẻ nhớ nên khi chị L vừa quay vào để gọi người ra kiểm tra cấu hình của máy thì T cầm 02 chiếc điện thoại di động trên bỏ chạy. Thấy T cầm điện thoại bỏ chạy, chị L tri hô “cướp, cướp điện thoại” nghe tiếng tri hô, anh Nguyễn C, sinh năm 1970 là chồng chị L đã đuổi theo thì bắt được T và thu giữ được 02 chiếc điện thoại trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 103/ĐGTS ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện CưM'gar kết luận: giá trị tài sản là 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại OPPo F9 màu tím có giá trị là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng)

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại OPPo F9 màu tím. Ngày 06/12/2018 cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị Mỹ L là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT – VKS ngày 14 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “**Cướp giật tài sản**”, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa bị cáo Lê Đức T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đức T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm Xứ phạt bị cáo Lê Đức T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CuM'gar đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L là chủ sở hữu hợp pháp

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vì vậy không đặt ra giải quyết

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của **người bị hại, người làm chứng** và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và với mục đích tư lợi nên vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 04/12/2018 Lê Đức T đã thực hiện hành vi Cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ L 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại OPPO F9 tại tiệm mua bán điện thoại đường M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Hành vi trên đây của bị cáo Lê Đức T đã phạm vào tội “*cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo biết rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý

thức coi thường pháp luật, với bản chất tham lam, lười lao động nhưng thích hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác nên bị cáo đã thực hiện việc cướp giật 02 chiếc điện thoại của gia đình chị Nguyễn Thị Mỹ L, tổng giá trị tài sản mà bị cáo cướp giật là 12.600.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, có như vậy thì mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống biết tôn trọng pháp luật nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong đấu tranh chống tội phạm.

[4] Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, bị cáo sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm **s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự** nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CuM'gar đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L là chủ sở hữu hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vì vậy không đặt ra giải quyết Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Đức T** phạm tội “**Cướp giật tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 05 tháng 12 năm 2018

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CuM'gar đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L là chủ sở hữu hợp pháp

- Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- CA huyện; VKS huyện CưM'gar;
- T.H.A Dân sự; T.H.A Hình sự ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trọng Phụng